TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2024/DSPT
Ngày: 09-4-2024
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quang

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Minh Châu

Ông Cao Minh Vỹ

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Vy – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu: Ông Vũ Duyên Trường - Kiểm sát viên.

Ngày 09-4-2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 289/2023/TLPT-DS ngày 08-12-2023 về việc *"Tranh chấp quyền sử dụng đất"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 86/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo các quyết định: Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2024/QĐ-PT ngày 26-02-2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2024/QĐ-PT ngày 21-3-2024; Quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng số 33/2024/QĐ-TA ngày 09-4-2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Vợ chồng bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1961 và ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1960 (đều có mặt).

Cùng địa chỉ: Số E, tổ A, khu phố P, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là: Ông Huỳnh Ngọc H2, sinh năm 1953 (có mặt) – Luật sư của Văn phòng Luật sư Huỳnh Ngọc H2 thuộc đoàn Luật sư tỉnh B.

2. Bị đơn:

2.1. Vợ chồng ông Phạm Hữu H3, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1965 (đều có mặt).

Cùng địa chỉ: Tổ B, ấp P, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2.2. Ông Phạm Thành T, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

2.3. Bà Phạm Thị H4, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số E, thôn D, xã S, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Thành T và bà Phạm Thị H4 là: Ông Phạm Hữu H3, sinh năm 1967 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ B, ấp P, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Người làm chứng:

- Ông Nguyễn Bá L, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ B, ấp P, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Ông Ngô Văn S, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ A, ấp T, xã L, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ B, ấp P, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H1 và bà Nguyễn Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/10/2020 của nguyên đơn; bản tự khai; trình bày của nguyên đơn trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa người bảo vệ quyền, lợi ích của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc H2 trình bày:

Về nguồn gốc đất, vào năm 1989 vợ chồng ông H1 được sự đồng ý của ông Tám K (không rõ họ tên đầy đủ) đã trả tiền thuế đất thay ông Tám K để chuộc lại đất ông Tám K sử dụng bị Nhà nước thu hồi lại do nợ tiền phân, tiền thuế của Nhà nước. Vợ chồng ông H1 được xã P và Tập đoàn A giao 02 thửa đất là thửa 845 và thửa 829 để sử dụng.

Ban đầu vợ chồng ông H1 sử dụng đất để gieo mạ trồng lúa, sau đó trồng cỏ nuôi bò. Đến khoảng năm 2006 thì ông Nguyễn Văn V là cha ông H1 nói vợ chồng ông H1 giao lại đất cho bà N (em gái ông H1) sử dụng. Trước đây vợ chồng bà N, ông H3 có mua đất của ông ba H5 (chú ruột ông H1), nhưng hai thửa đất của vợ chồng ông H3 cách nhau một con đường đi chung, không phải là thửa 845, 829.

Thời điểm ông V lấy đất giao cho vợ chồng bà N sử dụng thì vợ chồng ông H1 chưa được cấp giấy chứng nhận do vợ chồng ông H1 đang tranh chấp đất với ông V. Sau khi ông V qua đời, vợ chồng ông H1 đi đăng ký đất thì được chính quyền cho biết đang sử dụng đất quá hạn điền, cần tách hộ để đăng ký cho con nên vợ chồng ông H1 vẫn để cho vợ chồng bà N sử dụng, chưa đòi lại.

Năm 2018, vợ chồng ông H1 tách hộ và làm nhà riêng cho con đã liên hệ với Ủy ban nhân dân xã để đăng ký đất thì được biết ông H3 và bà N đã đăng ký, được cấp giấy chứng nhận, sau đó cho lại con của mình là T và H4.

Nay, bà H và ông H1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Phạm Hữu H3 và bà Nguyễn Thị N phải trả lại cho ông H1 và bà H thửa đất số 845, tờ bản đồ số 7 xã P, diện tích 228m^2.

Buộc ông Phạm Thành T và bà Phạm Thị H4 trả lại cho ông H1, bà H thửa đất 829, tờ bản đồ số 7 xã P, diện tích 845m^2.

Bà H và ông H1 đồng ý với trình bày của ông Huỳnh Ngọc H2 và không bổ sung gì thêm.

Bị đơn ông Phạm Hữu H3 và bà Nguyễn Thị N thống nhất trình bày:

Về nguồn gốc đất: Trước đây vợ chồng ông H3, bà N có mua một mảnh đất của ông ba H5 (Chú ruột bà N) và cha bà N là ông Nguyễn Văn V có cho một mảnh đất kế bên. Vợ chồng ông H3, bà N sử dụng đất này từ khoảng năm 1988 và được Nhà nước cấp giấy chứng nhận với tổng diện tích đất của gia đình đang sử dụng; khi làm thủ tục cấp giấy thì ông H1 là người ký xác nhận để vợ chồng ông H3 làm giấy; năm 2010, vợ chồng ông H3 xin đổi giấy chứng nhận mới và năm 2018 xin tách thửa đất để chia đất cho các con do các con đã có gia đình.

Ông H3 và bà N là người sử dụng đất hợp pháp và đã được Nhà nước công nhận, cấp giấy chứng nhận nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông H1, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu của ông H1 và bà H.

Ông H3 và bà N không có ý kiến gì đối với kết quả đo đạc và kết quả định giá tài sản tranh chấp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Thành T và bà Phạm Thị H4 là ông Phạm Hữu H3 trình bày:

Ông Phạm Thành T và bà Phạm Thị H4 là con của ông Phạm Hữu H3 và bà Nguyễn Thị N.

Ngày 11/4/2019, ông H3 và bà Nam tặng cho bà Phạm Thị H4 diện tích đất 1.637m^2 thuộc thửa đất số 1125, tờ bản đồ số 7 xã P, huyện Đ và tặng cho ông Phạm Thành T diện tích đất 3.489m^2 thuộc thửa 1124, tờ bản đồ số 7 xã P, huyện Đ. Hiện nay ông T và bà H4 là người trực tiếp sử dụng các thửa được cha mẹ tặng cho nêu trên. Ông T và bà H4 sử dụng đất có nguồn gốc do cha mẹ tặng cho nên không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/01/2021, người làm chứng là ông Nguyễn Bá L trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 845, tờ bản đồ số 7 xã P và thửa 829, 858 (thửa mới 1124, 1125), tờ bản đồ số 7 xã P là của ông Tám K (không rõ họ tên đầy đủ), sau khi ông Tám K chết thì ông H1 và bà H chuộc lại sử dụng. Ông H3 và bà N cũng sử dụng đất này nhưng không rõ giữa anh em ông H1 và bà N có thỏa thuận thế nào với nhau. Cha mẹ ông H1, bà N không canh tác sử dụng đất này.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/8/2023, người làm chứng là ông Ngô Văn S trình bày:

Ông S không rõ số thửa, số tờ bản đồ và nguồn gốc đất tranh chấp, nhưng khoảng thời gian năm 1993 ông S (làm nghề đào giếng) thường xuống khu vực này chơi và biết gia đình ông H3 sử dụng phần đất này từ năm 1993, vợ chồng ông H3 trồng hoa và bạch đàn trên đất. Phần đất này cũng giáp với đất ông H1 và bà H, thời gian trước ông S xuống chơi thì ông H3 nói đất tranh chấp ngay vị trí đó (tức thửa 829, 845).

Tại biên bản lấy lời khai ngày 22/8/2023 và tại phiên tòa, người làm chứng là ông Nguyễn Văn D trình bày:

Ông D, không có quan hệ gì họ hàng gì với gia đình ông H3, chỉ là hàng xóm. Về số thửa, số tờ bản đồ đất tranh chấp, ông D không rõ; về nguồn gốc đất thì ông D biết do cha vợ ông H3 là ông V cho và vợ chồng ông H3 có mua thêm một phần đất của người khác để đất của mình được vuông. Từ khi còn nhỏ ông D thường đi qua khu vực này do nhà ông D có rẫy trong khu vực đó nên biết việc ông H3 sử dụng đất này. Từ khi lớn lên ông D đã thấy gia đình ông H3 sử dụng đất này; trước đây trên đất ông H3 trồng bạch đàn nhưng sau này ông H3 chặt bạch đàn làm nhà cho con; gia đình ông H1 không sử dụng đất này; đất gia đình ông H3 là rẫy, còn đất gia đình ông H1 là ruộng; giữa đất ông H3 và đất ông H1, bà H có một con đường xe bò đã có từ trước đến nay vẫn còn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Đđã căn cứ vào các Điều 5, khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 155 và Điều 164 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 26, Điều 101, Điều 166, Điều 170, Điều 202 và Điều 203 Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q, tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn H1 đối với bị đơn ông Phạm Hữu H3, bà Nguyễn Thị N, ông Phạm Thành T và bà Phạm Thị H4 về việc:

- Yêu cầu ông Phạm Hữu H3 và bà Nguyễn Thị N trả lại quyền sử dụng đất diện tích 228m^2 thuộc thửa 845, tờ bản đồ số 7 xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Yêu cầu ông Phạm Thành T và bà Phạm Thị H4 trả lại quyền sử dụng đất diện tích 845m^2 thuộc thửa 829 (nay thuộc một phần thửa 1124 và một phần thửa 1125), tờ bản đồ số 7 xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả; án phí; quyền kháng cáo và thời hạn thi hành bản án theo quy định.

Ngày 09-10-2023, nguyên đơn là vợ chồng ông H1 bà H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa án phúc thẩm hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 86/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Đ vì chưa làm rõ các vấn đề khi cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; lời khai của nguyên đơn và bị đơn có mâu thuẫn về nguồn gốc đất ban đầu cũng như có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng để xét xử lại theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 09-4-2024: Các đương sự gồm vợ chồng bà H ông H1 và vợ chồng bà N ông H6 đã thỏa thuận thống nhất được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án như sau:

[1]. Vợ chồng bà H ông H1 và vợ chồng ông H3 bà N thống nhất không còn bất kỳ tranh chấp nào đối với các diện tích đất sau:

- Diện tích đất thuộc thửa 845 tờ bản đồ số 7 xã P, huyện Đ nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 612850 do UBND huyện Đ cấp ngày 30-11-2015 cho vợ chồng ông Phạm Hữu H3 bà Nguyễn Thị N.

- Diện tích đất thuộc thửa 1124, tờ bản đồ số 7 xã P, huyện Đ nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 952801 do UBND huyện Đ cấp ngày 04-12-2018 cho ông Phạm Hữu H3 đã chỉnh lý sang tên cho ông Phạm Thành T ngày 31-01-2019.

- Diện tích thuộc thửa 1125 tờ bản đồ số 7 xã P, huyện Đ trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 952802 do UBND huyện Đ cấp ngày 04-12-2018 cho ông Phạm Hữu H3 đã chỉnh lý sang tên cho bà Phạm Thị H4 ngày 11-4-2019.

[2]. Vợ chồng ông H3 bà N có trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng mẹ là bà Tô Thị L1, sinh năm 1937 cho đến khi bà Tô Thị L1 mất.

[3]. Vợ chồng bà H ông H1 công nhận diện tích đất thuộc thửa số 845 tờ bản đồ số 7 xã P, huyện Đ nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 612850 do UBND huyện Đ cấp ngày 30-11-2015 cho vợ chồng ông Phạm Hữu H3 bà Nguyễn Thị N là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông H3 bà N.

[4]. Vợ chồng bà H ông H1 công nhận diện tích đất thuộc thửa 1124, tờ bản đồ số 7 xã P, huyện Đ nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 952801 do UBND huyện Đ cấp ngày 04-12-2018 cho ông Phạm Hữu H3 đã chỉnh lý sang tên cho ông Phạm Thành T ngày 31-01-2019 là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông T.

[5]. Vợ chồng bà H ông H1 công nhận diện tích thuộc thửa 1125 tờ bản đồ số 7 xã P, huyện Đ trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 952802 do UBND huyện Đ cấp ngày 04-12-2018 cho ông Phạm Hữu H3 đã chỉnh lý sang tên cho bà Phạm Thị H4 ngày 11-4-2019 là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà H4.

[6]. Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm là 3.659.000đ và tại Tòa án cấp phúc thẩm là 5.200.000đ, tổng cộng là: 8.859.000đ (tám triệu tám trăm năm mươi chín ngàn đồng). Vợ chồng bà H ông H1 tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

[7] Về án phí: Các đương sự được miễn án phí theo quy định.

*** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát**:

- Việc tuân thủ pháp luật: Những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về mối quan hệ giữa các đương sự: Bà Tô Thị L1 là mẹ đẻ của ông H bà N. Ông H và bà N là anh em ruột. Bà H1 là vợ ông H. Ông H3 là chồng bà N. Ông T bà H4 là con đẻ của bà N ông H3.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Xét thấy, nội dung thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, sửa bản án dân sự sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 300 Bộ luật Tố tụng dân sự, tuyên xử:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 86/2023/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Đ như sau:

[1]. Vợ chồng bà Nguyễn Thị H ông Nguyễn Văn H1 và vợ chồng ông Phạm Hữu H3 bà Nguyễn Thị N thống nhất không còn bất kỳ tranh chấp nào đối với các diện tích đất sau:

- Diện tích đất thuộc thửa 845 tờ bản đồ số 7 xã P, huyện Đ nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 612850 do UBND huyện Đ cấp ngày 30-11-2015 cho vợ chồng ông Phạm Hữu H3 bà Nguyễn Thị N.

- Diện tích đất thuộc thửa 1124, tờ bản đồ số 7 xã P, huyện Đ nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 952801 do UBND huyện Đ cấp ngày 04-12-2018 cho ông Phạm Hữu H3 đã chỉnh lý sang tên cho ông Phạm Thành T ngày 31-01-2019.

- Diện tích đất thuộc thửa 1125 tờ bản đồ số 7 xã P, huyện Đ trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 952802 do UBND huyện Đ cấp ngày 04-12-2018 cho ông Phạm Hữu H3 đã chỉnh lý sang tên cho bà Phạm Thị H4 ngày 11-4-2019.

[2]. Vợ chồng ông Phạm Hữu H3 bà Nguyễn Thị N có trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng mẹ là bà Tô Thị L1, sinh năm 1937 cho đến khi bà Tô Thị L1 mất.

[3]. Vợ chồng bà Nguyễn Thị H ông Nguyễn Văn H1 công nhận diện tích đất thuộc thửa số 845 tờ bản đồ số 7 xã P, huyện Đ nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 612850 do UBND huyện Đ cấp ngày 30-11-2015 cho vợ chồng ông Phạm Hữu H3 bà Nguyễn Thị N là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của vợ chồng ông Phạm Hữu H3 bà Nguyễn Thị N.

[4]. Vợ chồng bà Nguyễn Thị H ông Nguyễn Văn H1 công nhận diện tích đất thuộc thửa 1124, tờ bản đồ số 7 xã P, huyện Đ nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 952801 do UBND huyện Đ cấp ngày 04-12-2018 cho ông Phạm

Hữu H3 đã chỉnh lý sang tên cho ông Phạm Thành T ngày 31-01-2019 là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Phạm Thành T.

[5]. Vợ chồng bà Nguyễn Thị H ông Nguyễn Văn H1 công nhận diện tích thuộc thửa 1125 tờ bản đồ số 7 xã P, huyện Đ trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP 952802 do UBND huyện Đ cấp ngày 04-12-2018 cho ông Phạm Hữu H3 đã chỉnh lý sang tên cho bà Phạm Thị H4 ngày 11-4-2019 là thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Phạm Thị H4.

[6]. Về chi phí tố tụng: Chi phí tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm là 3.659.000đ (ba triệu sáu trăm năm mươi chín ngàn đồng) và tại Tòa án cấp phúc thẩm là 5.200.000đ (năm triệu hai trăm ngàn đồng), tổng cộng là: 8.859.000đ (tám triệu tám trăm năm mươi chín ngàn đồng). Vợ chồng bà Nguyễn Thị H ông Nguyễn Văn H1 tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

[7]. Về án phí dân sự: Vợ chồng bà Nguyễn Thị H ông Nguyễn Văn H1 được miễn nộp theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án, ngày 09-4-2024.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh BR-VT;
- TAND huyện Đ;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Quang